TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **143**/HNGĐ- PT
Ngày: 23-12-2021
"V/v: Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: **Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền**
Các Thẩm phán: **Ông Ngô Tiến Phong**
Bà Bùi Thị Thu Hồng

***Thư ký phiên toà*:** Bà Mai Thị Phương Anh - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Nguyễn Như Quỳnh – Kiểm sát viên.

Ngày 23/12/2021 tại Trụ sở Toà án nhân dân thành Phố Hà Nội xét xử công khai phúc thẩm vụ án thụ lý số 123/2021/LHPT ngày 27/10/2021 về "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 236/2021/QĐXX-PT ngày 06 tháng 12 năm 2021 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Mai L , sinh năm 1997 (Có mặt)
HKTT: Số 106 Tổ 9, NT, PL, HĐ, Hà Nội
Địa chỉ hiện nay: Số 4 ngõ 149 TQ, GL, Hà Nội
Đại diện theo ủy quyền của chị Trần Thị Mai L:
- Ông Vũ Ngọc Đ, sinh năm 1980 (Có mặt)
Địa chỉ: Số 4 Ngách 58/44, Phố ĐT, CV, BĐ, Hà Nội
Bị đơn: Anh Nguyễn Thọ T, sinh năm 1995 (Có mặt)
HKTT và địa chỉ : Số 106 Tổ 9, NT, PL, HĐ, Hà Nội

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án, nguyên chị Trần Thị Mai L trình bày:***

Chị và anh T kết hôn ngày 06/3/2017 trên cơ sở tự nguyện có đăng ký tại Ủy ban nhân dân phường Phú Lương, quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội. Trong quá trình chung sống anh T là người chồng, người cha không có trách nhiệm với gia đình, mọi chi phí học tập, nuôi dưỡng con đều do ông bà ngoại và chị L lo. Anh T không hề có trách nhiệm đi làm chu cấp cho hai mẹ con. Sau nhiều lần bất đồng quan điểm đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng chị đã sống ly thân từ tháng 9/2020 đến nay.

Chị L xác định mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thọ P , sinh ngày 16/10/2017; Giới tính nam. Nếu ly hôn, chị Lxin nuôi cháu P và không yêu cầu anh T trợ cấp nuôi con.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Vợ chồng tự thỏa thuận,không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

*** Bị đơn anh Nguyễn Thọ T trình bày:**

Anh và chị Trần Thị Mai L có đăng ký kết hôn tại UBND phường PL năm 2017 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu. Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng vài tháng trở lại đây bắt đầu nảy sinh một số mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là về kinh tế, ngoài ra không có mâu thuẫn gì khác. Quan điểm của anh là không đồng ý ly hôn vì anh nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng không trầm trọng. Trường hợp chị L kiên quyết xin ly hôn thì anh chỉ đồng ý khi anh được quyền nuôi con chung.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là cháu Nguyễn Thọ P, sinh ngày 16/10/2017 hiện đang ở với anh T ; Nếu ly hôn anh T xin nuôi con, không yêu cầu chị Lđóng góp tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa sơ thẩm**,** chị L xin ly hôn và xin nuôi con chung, tài sản tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phía anh T đồng ý ly hôn, xin được nuôi con chung, về tài sản không yêu cầu Tòa giải quyết.

Với nội dung trên, tại bản án sơ thẩm số 907/2020/HNGĐ-ST ngày 28/12/2020, Tòa án nhân dân quận HĐ quyết định:

Căn cứ Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1**.**Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mai L với anh Nguyễn Thọ T.

2.Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thọ P, sinh ngày 16/10/2017; Giới tính Nam cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của chị L không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết do các đương sự không có yêu cầu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Không nhất trí với kết quả của bản án sơ thẩm, ngày 28/12/2020 bị đơn anh Nguyễn Thọ T có đơn kháng cáo một phần bản án về con chung. Anh không nhất trí giao con cho chị L , yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giao con chung cho anh T nuôi dưỡng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn anh Nguyễn Thọ T giữ nguyên nội dung kháng cáo, yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Thọ P, sinh ngày 16/10/2017, hiện đang ở chung với gia đình anh. Anh xác định bản thân có đủ điều kiện kinh tế để nuôi dưỡng con chung. Hiện nay anh làm tại trang trại cá cùng bố mẹ đẻ, thu nhập ổn định khoảng 8.700.000 đồng/tháng. Hơn nữa, cháu P bị bệnh viêm phế quản thường xuyên phải điều trị. Chị L hiện nay không có công việc và chỗ ở ổn định, nhà vẫn đang phải đi thuê sẽ không đủ khả năng và thời gian để chăm sóc con chung. Anh T không yêu cầu chị Lcó nghĩa vụ cấp dưỡng và cam kết không cản trở việc chị L đến thăm nom con.

Đại diện ủy quyền của chị Lvà chị Trần Thị Mai L không nhất trí với kháng cáo của anh Nguyễn Thọ T. Chị L trình bày: Hiện nay chị đang làm tại hệ thống nhà hàng Station Beer với mức lương 14 triệu đồng/tháng. Chị xác định bản thân có chỗ ở rộng rãi, nhà thuê tại Số 4 ngõ 149 TQ, GL, Hà Nội. Chị đủ điều kiện kinh tế và học thức để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Anh T và gia đình luôn ngăn cản khi chị đến đón con, không tạo điều kiện cho chị gọi điện cho con hay gặp con. Chị đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đề nghị Tòa án giữ nguyên bản án sơ thẩm. Chị không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con hàng tháng .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Nội phát biểu quan điểm giải quyết vụ án tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử hôm nay, thẩm phán và hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tiến hành tố tụng theo đúng các trình tự thủ tục mà Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tình cảm; Nguyễn Thọ T và chị Trần Thị Mai L có đăng ký kết hôn tại UBND phường PL năm 2017 trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu là hôn nhân hợp pháp . Về tài sản chung và nợ chung: Các bên đương sự không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị nên tại cấp phúc thẩm không xem xét.

- Về con chung, xét kháng cáo của anh Nguyễn Thọ T: Hiện chị L đang làm việc tại hệ thống nhà hàng Station Beer, nhà vẫn đang phải đi thuê. Chị không ở cùng

bố mẹ, không có người thân hỗ trợ nuôi con. Anh T có công việc tại trang trại của gia đình, có nhà ở ổn định của bố mẹ đẻ. Cháu P đang sống cùng gia đình anh T, được bố và ông bà nội chăm sóc chu đáo, thể chất và tinh thần phát triển tốt. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 308 khoản 2 Bộ Luật tố tụng dân sự: Chấp nhận đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thọ T; Sửa một phần bản án sơ thẩm số 907/2020/HNGĐ-ST ngày 18/12/2020 của Tòa án nhân dân quận HĐ. Giao con chung cháu Nguyễn Thọ P, sinh ngày 16/10/2017 cho anh Nguyễn Thọ T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị L do anh T không yêu cầu.

-Về án phí:

Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Anh T không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

* Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Nguyễn Thọ T làm trong hạn luật đình là hợp lệ, được giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

* Về nội dung vụ án:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Thọ T và chị Trần Thị Mai L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhan nhân phường PL, quận HĐ, Hà Nội là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm cả hai anh chị không kháng cáo,Viện kiểm sát không kháng nghị nên phát sinh hiệu lực pháp luật.

[2] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thọ P, sinh ngày 16/10/2017. Xét kháng cáo dành quyền nuôi con chung, Hội đồng xét xử nhận thấy cả hai anh chị đều có nguyện vọng nuôi con là chính đáng. Xét anh Nguyễn Thọ T có chỗ ở ổn định cùng bố mẹ đẻ, thu nhập hàng tháng 8.700.000đ đồng, đủ điều kiện để chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay cháu P vẫn đang ở cùng gia đình anh T , cháu có bệnh viêm phế quản mãn tính cần thường xuyên đến viện để điều trị. Chị L hiện nay vẫn phải ở nhà thuê, không có sự phụ giúp của người thân, tính chất công việc phải đi làm thường xuyên không đủ thời gian để chăm sóc và điều trị bệnh cho con. Trước đây chị thuê nhà của anh Vũ Ngọc Đ (BL số 48) tại số 4/ ngách 58/44 phường CV, Quận BĐ, Hà Nội và làm trưởng phòng kinh doanh cho công ty VN. Hiện nay chị đã chuyển đến thuê nhà tại TQ, GL và làm việc tại hệ thống nhà hàng Station Beer. Tuy nhiên chị L không xuất trình hợp đồng lao động và hợp đồng thuê nhà gần đây cho Tòa án. Phía anh T xuất trình xác nhận của chính quyền địa phương về việc anh tham gia làm trang trại gia đình. Hơn 1 năm nay anh T chăm nuôi, đóng tiền học cho con và cháu bé sức khỏe tốt và phát triển bình thường.

Xét thấy để đảm bảo ổn định môi trường sống và sự phát triển về tinh thần, thể chất của con chung, cần giao cháu Nguyễn Thọ P cho anh T trực tiếp chăm sóc,

nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thọ T là có căn cứ, cần chấp nhận.

Chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Sau này, chị Lcó quyền làm đơn yêu cầu thay đổi nuôi con nếu đủ điều kiện hoặc có chứng cứ chứng minh anh T không có đủ khả năng nuôi con theo quy định tại điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Ldo anh T không yêu cầu.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không kháng cáo nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[5] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm. Do được chấp nhận kháng cáo nên anh T không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm theo quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên; Căn cứ điều 308 khoản 2, điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự .

Xử: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo về quyền nuôi con của anh Nguyễn Thọ T. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 907/2020/HNGĐ-ST ngày 28/12/2020 của Tòa án nhân dân quận HĐ về phần con chung.

1.Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị Mai L với anh Nguyễn Thọ T.

2.Về con chung: Xác định chị Trần Thị Mai Lvà anh Nguyễn Thọ T có 01 con chung tên Nguyễn Thọ P, sinh ngày 16/10/2017, giới tính Nam. Giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc khi có sự thay đổi khác. Chị Trần Thị Mai L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Lcấp dưỡng nuôi con chung.

3.Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết

4.Về án phí: Chị Trần Thị Mai L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng, được đối trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai số 0009584 ngày 09/10/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ, thành phố Hà Nội.

Anh Nguyễn Thọ T không phải nộp án phí ly hôn phúc thẩm, được hoàn trả lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006009 ngày 29/12/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự quận HĐ, thành phố Hà Nội.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực để thi hành kể từ ngày tuyên án ./.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hà Nội;
- Tòa án nhân dân quận HĐ;
- Cục THADS quận HĐ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TÒA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thanh Huyền